

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
(Tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn, thay đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 13 ngày 27 tháng 2 năm 2013) (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch
Bà Giao Thị Yến	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên
Ông Trương Khắc Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Khắc Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Giao Thị Yến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trương Khắc Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3192/2013/BCKT - IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn, thay đổi theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần thứ 13 ngày 27 tháng 2 năm 2013) (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Lương Xuân Trường

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1741/KTV



Thành viên hãng **AGN** International / Member Firm of **AGN** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		179.254.576.490	138.494.867.107
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	27.619.810.380	35.418.679.976
1. Tiền	111		27.619.810.380	5.418.679.976
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	64.812.905.233	41.795.322.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		64.812.905.233	52.343.408.703
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(10.548.086.703)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.689.697.401	60.964.071.863
1. Phải thu khách hàng	131		10.846.288.902	319.206.235
2. Trả trước cho người bán	132		384.443.906	201.723.646
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	70.708.196.578	60.482.451.217
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(249.231.985)	(39.309.235)
IV. Hàng tồn kho	140		2.246.523.406	136.916.860
1. Hàng tồn kho	141	V.4	2.246.523.406	136.916.860
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.885.640.070	179.876.408
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.046.354.284	164.876.408
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	839.285.786	15.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		608.380.972.629	699.376.404.456
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		159.536.905	159.536.905
4. Phải thu dài hạn khác	218		159.536.905	159.536.905
II. Tài sản cố định	220		1.601.205.159	870.333.271
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.601.205.159	870.333.271
- Nguyên giá	222		2.076.591.569	1.111.409.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(475.386.410)	(241.076.480)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.7	591.866.202.450	690.054.033.333
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.550.000.000	2.550.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		89.591.369.999	84.079.369.999
3. Đầu tư dài hạn khác	258		499.724.832.451	603.424.663.334
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.754.028.115	8.292.500.947
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	14.754.028.115	8.292.500.947
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		787.635.549.119	837.871.271.563

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		304.256.635.640	391.075.281.082
I. Nợ ngắn hạn	310		304.256.635.640	330.775.281.083
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	14.100.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.9	105.185.844.681	247.123.947.392
3. Người mua trả tiền trước	313		110.000.000	110.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	34.512.798	17.520.559
6. Chi phí phải trả	316		-	940.266.667
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	198.926.278.161	68.436.828.905
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	46.717.560
II. Nợ dài hạn	330		-	60.299.999.999
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	60.299.999.999
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		483.378.913.479	446.795.990.481
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	483.378.913.479	446.795.990.481
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		83.378.913.479	46.795.990.481
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		787.635.549.119	837.871.271.563



Trương Khắc Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

Bùi Quốc Dũng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	11.884.166.000	313.636.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		11.884.166.000	313.636.364
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.468.783.534	254.763.618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.415.382.466	58.872.746
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	102.311.375.527	132.535.496.359
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	62.531.234.461	83.445.880.613
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		49.576.417.945	72.897.793.910
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.605.600.534	2.387.498.011
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		36.589.922.998	46.760.990.481
11. Thu nhập khác	31		93.232.465	-
12. Chi phí khác	32		93.232.465	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.589.922.998	46.760.990.481
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.589.922.998	46.760.990.481
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	915	1.169



Trương Khắc Hoàn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Bùi Quốc Dũng
 Kế toán trưởng

Bùi Quốc Dũng
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	34.100.534.812	292.810.535
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(110.117.510.281)	(72.338.498.154)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.136.051.099)	(877.727.917)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.416.912.504)	(28.239.011.676)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(620.558.508)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	200.153.660.068	308.010.839.708
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(21.153.746.290)	(7.349.191.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	91.429.974.706	198.878.662.985
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25.390.909)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(85.642.420.602)	(38.927.059.531)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	63.618.598.206	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.030.654.605	1.018.452.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.018.558.700)	(37.908.607.132)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	21.584.254.397	23.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(113.787.889.999)	(132.200.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.650.000)	(27.261.395.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(92.210.285.602)	(136.461.395.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.798.869.596)	24.508.660.853
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.418.679.976	10.910.019.123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.619.810.380	35.418.679.976



Trương Khắc Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

Bùi Quốc Dũng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn) (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002620 ngày 27 tháng 8 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 27 tháng 2 năm 2013.

Vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, được chia thành 40.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 7 người).

2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển - đo lường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác (trừ tư vấn pháp luật);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải, bán buôn thiết bị cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước sạch – nước thải. Bán buôn vật tư - thiết bị - phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hóa chất khác (trừ sử dụng trong nông nghiệp);
- Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, xây dựng;
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp;
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính);
- Giám sát thi công công trình;
- Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng), ký hiệu quốc tế là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh tại đơn vị.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính 2012. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính là hợp đồng làm tăng tài sản tài chính của Công ty và nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác.

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn bao gồm cổ phiếu đã được niêm yết và chưa niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành khoản nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác (ngoại trừ khoản phải trả về cổ tức) và các khoản chi phí phải trả.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 do Bộ Tài chính ban hành. Cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải
Thiết bị dụng cụ quản lý

Số năm
06 - 10
03 - 05

Y
C
HẠN
VÀ
LÍNH
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp theo giá gốc. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty con được lập trên cơ sở hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một (1) Công ty con là Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Enviro, trong đó Công ty nắm giữ 85% Vốn điều lệ của Công ty con (Vốn điều lệ và vốn thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty con là 3 tỷ đồng), tương ứng 85% tỷ lệ quyền biểu quyết vào Công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các công ty liên kết như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu đường Bình Triệu	48,19%	48,19%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	26,00%	26,00%

Các khoản đầu tư chứng khoán: Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đầu tư xây dựng, hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí tài chính theo thời gian hoạt động của dự án khi các dự án này có doanh thu.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

8. Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và số vốn được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế trong quá trình hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. Ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

9. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các dự án mà công ty đang đầu tư. Lãi tiền gửi, tiền cho vay ghi nhận trên cơ sở dồn tích, lãi tiền gửi ngân hàng được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng; lãi tiền cho vay được tính căn cứ vào số dư khoản cho vay và lãi suất phù hợp với, hợp đồng vay; cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo chia cổ tức của đơn vị nhận đầu tư và công ty con.

10. Chuyển đổi ngoại tệ

Việc chuyển đổi ngoại tệ được Công ty được thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính, theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

11. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các khoản thuế và lệ phí khác phải nộp theo qui định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	305.179.744	415.218.168
Tiền gửi ngân hàng	22.910.462.434	5.003.461.808
Tiền đang chuyển	4.404.168.202	-
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
Cộng	27.619.810.380	35.418.679.976

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:		64.812.905.233		52.343.408.703
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	-	214.100	18.654.724.026
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	3.750.000	64.812.905.233	1.450.270	33.688.684.677
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(10.548.086.703)
Lí do thay đổi				
+Về số lượng				
Mua cổ phiếu trong kỳ	1.049.730			
Cổ phiếu thưởng được chia	1.250.000			
+Về giá trị: Tăng do đầu tư cổ phiếu trong kỳ				
Cộng		64.812.905.233		41.795.322.000

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Cổ tức và lợi nhuận được chia		
<i>Dự án Cao ốc 70 Lữ Gia</i>	-	12.882.216.017
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cầu đường Bình</i>	13.426.176.538	6.747.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</i>	55.273.737.600	35.853.235.200
- Phải thu khác	2.008.282.440	5.000.000.000
Cộng	70.708.196.578	60.482.451.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.246.523.406	136.916.860

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	339.285.786	15.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	500.000.000	-
Cộng	839.285.786	15.000.000

6. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	1.056.624.916	54.784.835	1.111.409.751
Mua trong năm	909.790.909	55.390.909	965.181.818
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	1.966.415.825	110.175.744	2.076.591.569
KHẤU HAO			
Tại ngày 01/01/2012	220.130.190	20.946.290	241.076.480
Khấu hao trong năm	214.012.107	20.297.823	234.309.930
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	434.142.297	41.244.113	475.386.410
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2012	836.494.726	33.838.545	870.333.271
Tại ngày 31/12/2012	1.532.273.528	68.931.631	1.601.205.159

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 10.239.090 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
a - Đầu tư vào công ty con		2.550.000.000		2.550.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	255.000	2.550.000.000	255.000	2.550.000.000
b - Đầu tư vào công ty liên kết		89.591.369.999		84.079.369.999
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cầu đường Bình Triệu	3.373.500	47.434.620.000	3.373.500	47.434.620.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận		42.156.749.999		36.644.749.999
Lí do thay đổi				
+Về giá trị: Tăng từ lợi nhuận hợp nhất trong công ty liên kết và tăng do góp vốn trong kỳ				
c - Đầu tư dài hạn khác		499.724.832.451		603.424.663.334
- Đầu tư cổ phiếu:		5.835.950.069		32.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng	262.000	5.835.950.069	1.442.000	32.120.000.000
Lí do thay đổi				
+Về số lượng: Cơ cấu danh mục đầu tư				
+Về giá trị: Cơ cấu danh mục đầu tư				
- Đầu tư dài hạn khác:		493.888.882.382		571.304.663.334
Dự án Xây dựng khu căn hộ cao tầng Diamond Reverside tại phường 16, quận 8, Tp.HCM		398.369.280.000		398.369.280.000
Dự án Cao ốc 70 Lữ Gia		-		39.000.000.000
Dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trạm Kinh Dương Vương và trạm Xa Lộ Hà Nội		95.519.602.382		133.935.383.334
Lí do thay đổi				
+Về giá trị: Cơ cấu danh mục đầu tư				
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn		591.866.202.450		690.054.033.333

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay đầu tư vào các dự án chờ phân bổ	14.638.120.077	8.165.142.358
Chi phí chờ phân bổ khác	115.908.038	127.358.589
Cộng	14.754.028.115	8.292.500.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. Phải trả người bán

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	97.629.368.429	241.801.299.166
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.310.648.226	5.310.648.226
Các đối tượng khác	2.245.828.026	12.000.000
Cộng	105.185.844.681	247.123.947.392

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.392	41.392
Thuế thu nhập cá nhân	34.471.406	17.479.167
Cộng	34.512.798	17.520.559

11. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	16.346	2.666.346
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (*)	198.926.261.815	68.434.162.559
Cộng	198.926.278.161	68.436.828.905

(*) Số dư khoản phải trả khác cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 73/HĐ-HTĐT-CII ngày 29 tháng 6 năm 2010. Theo hợp đồng này hai bên cùng thống nhất hợp tác sử dụng nguồn vốn huy động của mỗi bên, theo đó khi một trong hai bên có nhu cầu sử dụng vốn (hoặc có nguồn vốn nhàn rỗi) thì bên còn lại sẽ thực hiện hỗ trợ vô điều kiện trong khả năng có thể thực hiện được. Việc thực hiện hỗ trợ sẽ được thỏa thuận chi tiết trong từng hợp đồng hỗ trợ vốn cụ thể được ký kết giữa hai bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	400.000.000.000	28.135.717.560	428.135.717.560
Tăng trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	46.760.990.481	46.760.990.481
Chia cổ tức năm 2010		(27.965.000.000)	(27.965.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(135.717.560)	(135.717.560)
Tại ngày 01/01/2012	400.000.000.000	46.795.990.481	446.795.990.481
Tăng trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm		36.589.922.998	36.589.922.998
Chi cổ tức năm 2010 (*)		(7.000.000)	(7.000.000)
Tại ngày 31/12/2012	400.000.000.000	83.378.913.479	483.378.913.479

(*) Chia cổ tức còn lại của năm 2010.

Công ty không thực hiện chia cổ tức năm 2011 theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/NQ – ĐHĐCĐ – 2012 ngày 20 tháng 4 năm 2012.

Theo nghị quyết hội đồng quản trị 10/NQ – HĐQT -2012 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 với tỷ lệ chi trả 15% mệnh giá. Thời gian chi cổ tức là ngày 6 tháng 2 năm 2013 theo thông báo chi cổ tức số 11/2013/CV – SII ngày 29 tháng 1 năm 2013.

b. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phần	01/01/2012 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị xử lý môi trường	11.884.166.000	-
Doanh thu hoạt động giám sát, thẩm tra công trình	-	313.636.364
	11.884.166.000	313.636.364

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn cung cấp, lắp đặt vật tư thiết bị xử lý môi trường	10.468.783.534	-
Giá vốn hoạt động giám sát, thẩm tra công trình	-	254.763.618
	10.468.783.534	254.763.618

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.613.119.458	88.597.733
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	100.698.256.069	132.446.898.626
Cộng	102.311.375.527	132.535.496.359

(*) Cổ tức lợi nhuận được chia phát sinh trong năm 2012 bao gồm khoản lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh dự án Diamond Riverside với Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy (Công ty NBB) với số tiền là 19.420.502.400 đồng. Theo hợp đồng hợp tác đầu tư thì Công ty NBB có nghĩa vụ đảm bảo lợi nhuận tối thiểu hàng năm cho Công ty bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietcombank cộng 2%. Công ty ghi nhận thu nhập từ hoạt động hợp tác này vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm dựa trên lợi nhuận tối thiểu đảm bảo quy định trên hợp đồng và đã được xác nhận bởi Công ty NBB. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận tối thiểu đảm bảo này là chắc chắn và đã được ghi nhận hợp lý vào báo cáo tài chính trong năm.

4. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	49.576.417.945	72.897.793.910
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	11.777.484.336	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	10.548.086.703
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(637.944.032)	-
Chi phí tài chính khác	1.815.276.212	-
Cộng	62.531.234.461	83.445.880.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	36.589.922.998	46.760.990.481
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	66.740.937.483	61.885.369.009
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Lợi nhuận tính thuế	(30.151.014.485)	(15.124.378.528)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận cơ bản để tính lãi trên cổ phiếu	36.589.922.998	46.760.990.481
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	915	1.169

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng		
Thi công công trình cho Công ty con - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	11.884.166.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các khoản phải thu		
Phải thu từ công ty con - Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	12.527.082.667	5.000.000.000
Phải thu cổ tức từ công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	13.426.176.538	6.747.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lương và thưởng	1.245.166.671	649.666.671

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa cơ cấu vốn nguồn vốn (duy trì tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn và tỷ lệ vốn chủ sở hữu phù hợp).

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (các khoản vay và nợ, phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	27.619.810.380	35.418.679.976
Phải thu khách hàng	10.981.500.823	481.620.646
Phải thu khác	70.708.196.578	60.482.451.217
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.812.905.233	41.795.322.000
Đầu tư tài chính dài hạn	591.866.202.450	690.054.033.333
Các khoản ký quỹ	159.536.905	159.536.905
Tổng cộng	766.148.152.369	828.391.644.077
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	-	14.100.000.000
Phải trả người bán	105.295.844.681	247.233.947.392
Phải trả khác	198.926.278.161	68.436.828.905
Chi phí phải trả	-	940.266.667
Tổng cộng	304.222.122.842	330.711.042.964

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban giám đốc thiết lập các nguyên tắc và thực hiện giám sát, quản lý rủi ro tài chính nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và xây dựng các hạn mức rủi ro thích hợp.

Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro tiền tệ do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty). Tuy nhiên rủi ro tiền tệ của Công ty được đánh giá là không đáng kể do các giao dịch của Công ty chủ yếu được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ, kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết do đó chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro về giá (tiếp theo)

các công ty đầu tư. Hội Đồng Quản Trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 3 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và tương đương tiền	27.619.810.380	-	27.619.810.380
Phải thu khách hàng	10.911.526.573	69.974.250	10.981.500.823
Phải thu khác	70.708.196.578	-	70.708.196.578
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.812.905.233	-	64.812.905.233
Đầu tư tài chính dài hạn	-	591.866.202.450	591.866.202.450
Tổng cộng	174.052.438.764	591.936.176.700	765.988.615.464
Tại ngày 31/12/2012			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	99.985.196.455	5.310.648.226	105.295.844.681
Phải trả khác	-	198.926.278.161	198.926.278.161
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	99.985.196.455	204.236.926.387	304.222.122.842
Chênh lệch thanh khoản thuần	74.067.242.309	387.699.250.313	461.766.492.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 3 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31/12/2011			
Tiền và tương đương tiền	35.418.679.976	-	35.418.679.976
Phải thu khách hàng	201.723.646	279.897.000	481.620.646
Phải thu khác	60.482.451.217	-	60.482.451.217
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.795.322.000		41.795.322.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	690.054.033.333	690.054.033.333
Tổng cộng	137.898.176.839	690.333.930.333	828.232.107.172
Tại ngày 31/12/2011			
Vay và nợ	14.100.000.000	-	14.100.000.000
Phải trả người bán	241.923.299.166	5.310.648.226	247.233.947.392
Phải trả khác	-	68.436.828.905	68.436.828.905
Chi phí phải trả	940.266.667	-	940.266.667
Tổng cộng	256.963.565.833	73.747.477.131	330.711.042.964
Chênh lệch thanh khoản thuần	(119.065.388.994)	616.586.453.202	497.521.064.208

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chủ yếu khoản phải trả người bán phát sinh từ các bên liên quan, lịch thanh toán được điều chỉnh phù hợp để cân đối các khoản phải trả của Công ty.

3. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Công ty và công ty con đều tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động chủ yếu của các bộ phận trên như sau:

Bộ phận thi công : Thi công, cung cấp, lắp đặt các thiết bị xử lý môi trường.
 Bộ phận đầu tư tài chính : Hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thi công công trình Năm 2012	Đầu tư tài chính Năm 2012	Tổng cộng Năm 2012
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán	11.884.166.000	-	11.884.166.000
Doanh thu thuần từ hoạt	-	102.311.375.527	102.311.375.527
Tổng doanh thu	11.884.166.000	102.311.375.527	114.195.541.527
Chi phí			
Chi phí giá vốn bộ phận	10.468.783.534	-	10.468.783.534
Chi phí hoạt động tài chính	-	62.531.234.461	62.531.234.461
Tổng chi phí	10.468.783.534	62.531.234.461	73.000.017.995
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.415.382.466	39.780.141.066	41.195.523.532
Chi phí bán hàng			-
Chi phí quản lý doanh nghiệp			4.605.600.534
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh			36.589.922.998
Thu nhập khác			93.232.465
Chi phí khác			93.232.465
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			-
Tổng lợi nhuận sau thuế			36.589.922.998

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

- Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 03/NQ – HĐQT – 2013 ngày 04 tháng 2 năm 2013, đã thông qua, chấp thuận việc mua lại 90% số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty Cổ phần BOO Cấp thoát nước Đại An. Các thông tin chi tiết như sau:
Tên cổ phần: Công ty Cổ phần BOO Cấp thoát nước Đại An
Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/ Cổ phiếu
Số lượng: 9.000.000 (chín triệu) cổ phần, chiếm tỷ lệ 90% vốn điều lệ Công ty Cổ phần BOO Cấp thoát nước Đại An.
Giá mua: 11.667 đồng/ cổ phiếu
Tổng giá trị mua: 105.000.000.000 đồng
- Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 ngày 6 tháng 2 năm 2013, đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chấm dứt trước hạn hợp đồng chuyển nhượng 40% phần vốn góp vào Dự án Diamond Riverside. Số dư khoản đầu tư dài hạn 40% vốn góp vào Dự án Diamond Riverside tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 198.184.640.000 đồng.



Trương Khắc Hoàn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Bùi Quốc Dũng
Kế toán trưởng

Bùi Quốc Dũng
Người lập biểu